

- Đối với lô hàng phải kiểm tra thực tế hàng hóa, nếu doanh nghiệp có đơn xin điều chỉnh số lượng hàng hóa thì thực hiện kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng.

- Nếu phát hiện có dấu hiệu gian lận thì cơ quan Hải quan không chấp nhận việc xin điều chỉnh”.

3. Điểm 3.3.b Mục III sửa đổi như sau:

“b) Thực hiện kiểm tra thực tế hàng hóa theo hình thức, tỷ lệ kiểm tra thực tế đã được lãnh đạo Chi cục Hải quan ngoài cửa khẩu quyết định, xác nhận kết quả kiểm tra theo đúng quy định. Nếu có căn cứ (như: có thông tin mới về vi phạm của doanh nghiệp tới mức phải thay đổi hình thức, tỷ lệ kiểm tra; Hồ sơ thể hiện sự bất hợp lý về số lượng hàng so với trọng lượng...) thì Chi cục trưởng Hải quan cửa khẩu có thể quyết định tăng hoặc giảm tỷ lệ kiểm tra, nhưng không thay đổi hình thức kiểm tra và thông báo cho Chi cục trưởng Hải quan ngoài cửa khẩu biết việc thay đổi đó.

Cục trưởng Hải quan tỉnh, thành phố quyết định thay đổi hình thức kiểm tra do Chi cục trưởng Hải quan quyết định (kể cả Chi cục trưởng Hải quan thuộc tỉnh, thành phố khác).

Cục trưởng Hải quan tỉnh, thành phố và Chi cục trưởng Hải quan cửa khẩu chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra thực tế và quyết định thay đổi hình thức, tỷ lệ kiểm tra”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi

hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định khác nêu tại bản Quy định về thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyển cửa khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 53/2003/QĐ-BTC ngày 16/4/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Thương mại số 1116/2003/QĐ-BTM ngày 09/9/2003 ban hành Quy chế thưởng xuất khẩu đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2003 vượt so với năm 2002.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 04

tháng 12 năm 1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 195/1999/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập, sử dụng và quản lý Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP ngày 17/01/2003 của Chính phủ về một số chủ trương, giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2003;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 78/CP-KTTH ngày 20/01/2003 của Chính phủ về thúc đẩy xuất khẩu năm 2003;

Sau khi trao đổi với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thưởng xuất khẩu đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2003 vượt so với năm 2002.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

MAI VĂN DẬU

QUY CHẾ thưởng xuất khẩu đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2003 vượt so với năm 2002

(ban hành kèm theo Quyết định số 1116/2003/QĐ-BTM ngày 09 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nội dung xét thưởng

Quy chế này quy định việc xét thưởng cho phần kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng năm 2003 vượt so với kim ngạch xuất khẩu năm 2002 (sau đây gọi là thưởng vượt kim ngạch).

Điều 2. Phạm vi áp dụng

2.1. Quy chế thưởng vượt kim ngạch này áp dụng cho phần kim ngạch xuất khẩu năm 2003 vượt so với năm 2002 tính bằng Đô la Mỹ (USD) theo giá FOB tại cảng Việt Nam (hoặc các phương thức giao hàng tương đương). Đối với kim ngạch xuất khẩu thu được bằng các loại tiền khác đều được quy đổi ra Đô la Mỹ tại thời điểm thanh toán.

2.2. Quy chế này không áp dụng cho các trường hợp hàng hóa xuất khẩu trả nợ, xuất khẩu viện trợ cho nước ngoài, xuất khẩu theo Hiệp định hoặc Hợp đồng có sự can thiệp của Chính phủ, hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, xuất khẩu đổi hàng.

2.3. Các mặt hàng được xét thưởng vượt kim ngạch gồm 13 mặt hàng, nhóm mặt hàng là: gạo, cà phê, lạc nhân, thịt lợn, thịt gia súc gia cầm các loại, rau quả các loại, chè, hạt tiêu, hạt điều (đã qua chế biến), thủ công mỹ nghệ, mây tre lá, đồ nhựa, hàng cơ khí.

Điều 3. Đối tượng xét thưởng:

Thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập, hoạt động theo các quy định của pháp luật Việt Nam trực tiếp xuất khẩu đạt được các điều kiện quy định tại Điều 4 dưới đây đều được xét thưởng theo Quy chế này.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ XÉT THƯỞNG VÀ MỨC THƯỞNG

Điều 4. Điều kiện xét thưởng:

- Thương nhân xuất khẩu các mặt hàng trong số 13 mặt hàng, nhóm mặt hàng thuộc khoản 2.3 Điều 2 Quy chế này.

- Kim ngạch xuất khẩu mỗi mặt hàng năm 2003 phải cao hơn kim ngạch xuất khẩu năm 2002.

Riêng đối với các nhóm mặt hàng gạo, cà phê, hạt tiêu, hạt điều (đã qua chế biến) việc thưởng kim ngạch xuất khẩu năm 2003 chỉ áp dụng đối với các trường hợp kim ngạch xuất khẩu của các nhóm mặt hàng này năm 2002 đạt mức sau:

- + Gạo: 1.000.000 USD trở lên.
- + Cà phê: 500.000 USD trở lên.
- + Hạt tiêu, hạt điều (đã qua chế biến): 100.000 USD trở lên.
- Có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Điều 5. Hồ sơ xét thưởng:

5.1. Hồ sơ xét thưởng gồm có:

- Công văn nêu thành tích và đề nghị xét thưởng của thương nhân.

- Bảng kê kim ngạch xuất khẩu năm 2002 theo Biểu mẫu số 01(A) và 01(B)

Thương nhân đã được xét thưởng năm 2002 thì lập theo Biểu mẫu số 01(A) gửi kèm theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thưởng theo kim ngạch xuất khẩu năm 2002 (bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Thương nhân có đủ điều kiện xét thưởng năm 2002 nhưng không làm thủ tục đề nghị Bộ Tài chính xét thưởng thì lập theo Biểu mẫu số 01(B) gửi kèm Tờ khai xuất khẩu tương ứng (bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

- Bảng kê số lượng hàng xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu năm 2003 (theo Biểu mẫu số 02) có xác nhận về số ngoại tệ đã thực thu của ngân hàng liên quan kèm theo Tờ khai xuất khẩu tương ứng (bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

5.2. Hồ sơ xét thưởng của thương nhân

được gửi đến 1 trong 2 cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cụ thể:

- Ngoài phong bì đề: Hồ sơ xét thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu.

(Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại, fax, số tài khoản tiền Việt Nam, tên ngân hàng mở tài khoản của thương nhân).

+ Gửi tới Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu), 21 Ngô Quyền - Hà Nội đối với các thương nhân thuộc khối các cơ quan trung ương.

+ Gửi tới Sở Thương mại và hoặc Sở

Thương mại và Du lịch (gọi chung là Sở Thương mại) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các thương nhân khác có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố đó.

Hạn nộp hồ sơ trước ngày 01 tháng 5 năm 2004 (theo dấu Bưu điện gửi).

Điều 6. Mức thưởng:

Thương nhân có thành tích xuất khẩu vượt kim ngạch được thưởng bằng tiền tính trên trị giá kim ngạch vượt so với năm 2002 theo mức sau:

Số thứ tự	Mặt hàng	Mức thưởng
1	Thịt lợn các loại	1.000 đồng/USD
2	Rau quả các loại	1.000 đồng/USD
3	Chè các loại	1.000 đồng/USD
4	Thịt gia súc gia cầm các loại...	1.000 đồng/USD
5	Gạo các loại	300 đồng/USD
6	Hàng thủ công mỹ nghệ	300 đồng/USD
7	Hàng mây tre lá	300 đồng/USD
8	Cà phê các loại	300 đồng/USD
9	Lạc nhân	300 đồng/USD
10	Hạt tiêu	300 đồng/USD
11	Hạt điều (đã qua chế biến)	300 đồng/USD
12	Đồ nhựa	300 đồng/USD
13	Hàng cơ khí	300 đồng/USD

Chương III

TỔ CHỨC XÉT THƯỞNG

Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ:

7.1. Bộ thương mại tiếp nhận hồ sơ của

các thương nhân hạch toán độc lập thuộc khối các cơ quan trung ương, bao gồm các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập.

7.2. Sở Thương mại tiếp nhận hồ sơ của các thương nhân thuộc khối địa phương, có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố bao gồm cả các doanh nghiệp nhà nước do chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập, doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài.

Điều 8. Thẩm định hồ sơ

8.1. Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu) thẩm định và đề nghị xét thưởng cho các thương nhân thuộc khoản 7.1 Điều 7 Quy chế này.

8.2. Sở Thương mại thẩm định và đề nghị xét thưởng cho thương nhân thuộc khoản 7.2 Điều 7 quy chế này theo Biểu mẫu số 03 (kèm sau); sau đó gửi báo cáo thẩm định (Biểu mẫu số 03) về Bộ Thương mại; lưu giữ hồ sơ của thương nhân đã được thẩm định tại Sở Thương mại.

Điều 9. Xét thưởng

9.1. Việc xét thưởng do Hội đồng xét thưởng thực hiện. Hội đồng xét thưởng do Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định thành lập bao gồm các thành phần:

- Lãnh đạo Bộ Thương mại là Chủ tịch Hội đồng.
- Đại diện các Bộ Thương mại, Tài chính, Kế hoạch Đầu tư (cấp Vụ) là ủy viên.
- Hội đồng có tổ chuyên viên giúp việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và tổng hợp báo cáo trình Hội đồng xét duyệt.

9.2. Hội đồng xét thưởng chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét quyết định việc thưởng căn cứ vào Dự toán ngân sách nhà nước về chi phí thưởng. Căn cứ báo cáo của Sở Thương mại và của Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu), Hội đồng xét thưởng kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định thưởng cho từng thương nhân đạt tiêu chuẩn quy định.

9.3. Việc xét thưởng được tiến hành trong quý III năm 2004.

Điều 10. Công bố thưởng, trích thưởng, sử dụng tiền thưởng:

10.1. Quyết định thưởng của Bộ Thương mại được công bố công khai trên các Báo Thương mại, Đầu tư, Tài chính. Bộ Thương mại tổ chức trao thưởng cho một số thương nhân tiêu biểu.

10.2. Bộ Tài chính quyết định xuất Ngân sách nhà nước chi thưởng xuất khẩu từ Quỹ hỗ trợ xuất khẩu cho các thương nhân đạt tiêu chuẩn quy định trong Quy chế này vào tài khoản của thương nhân theo Quyết định thưởng của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

10.3. Thương nhân hạch toán số tiền thưởng vào thu nhập doanh nghiệp để bù đắp chi phí và/hoặc để thưởng cho các tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị đã có đóng góp vào việc đẩy mạnh và tăng trưởng xuất khẩu của đơn vị.

Điều 11. Trách nhiệm của thương nhân và các cơ quan có liên quan đối với việc kê khai và xét thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu

- Thương nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý và tính chính xác của hồ sơ số liệu liên quan đến việc thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu.

- Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về việc xác nhận số ngoại tệ hoặc ngoại tệ quy đổi thực thu từ hoạt động xuất khẩu của thương nhân.

- Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu) thẩm định và chịu trách nhiệm về số liệu đã thẩm định theo Hồ sơ của các thương nhân theo quy định của khoản 7.1 Điều 7 Quy chế này.

- Sở Thương mại thẩm định và chịu trách nhiệm về số liệu đã thẩm định theo Hồ sơ của các thương nhân theo quy định của khoản 7.2 Điều 7 Quy chế này.

- Bộ Tài chính có trách nhiệm xuất Quỹ ngân sách nhà nước số tiền thưởng chuyển cấp vào tài khoản của thương nhân được thưởng.

- Hội đồng xét thưởng xuất khẩu có dự toán tiền thưởng và các khoản chi cho hoạt động xét thưởng của Hội đồng (in ấn tài liệu, đăng đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng...) để đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp đưa vào dự toán ngân sách nhà nước.

Điều 12. Về thời gian cho từng khâu thực hiện

- Hồ sơ đề nghị xét thưởng của thương nhân gửi đến cơ quan thẩm định hồ sơ chậm nhất vào ngày 01 tháng 5 năm 2004 (theo dấu Bưu điện gửi).

- Cơ quan thẩm định hồ sơ tiến hành

thẩm định và đề nghị xét thưởng gửi báo cáo thẩm định về Hội đồng xét thưởng sau 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của thương nhân.

- Hội đồng xét thưởng sẽ tiến hành xét thưởng trong tháng 7 năm 2004 và ra quyết định khen thưởng cho từng thương nhân.

- Bộ Tài chính sẽ có quyết định xuất Quỹ hỗ trợ xuất khẩu chuyển cấp vào tài khoản của thương nhân được thưởng sau 15 ngày, kể từ khi có Quyết định thưởng của Bộ Thương mại.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Xử lý vi phạm

Thương nhân có hành vi vi phạm, cố ý gian lận, lập hồ sơ không đúng thực tế khi phát hiện sẽ bị thu hồi toàn bộ tiền thưởng và tùy theo lỗi nặng nhẹ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Bộ Thương mại đề nghị các cơ quan thuộc Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể thông báo nội dung Quy chế này cho các thương nhân thuộc quyền quản lý của mình biết, thực hiện, đồng thời phản ánh về Bộ Thương mại những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để tổng hợp điều chỉnh./.

Biểu mẫu số 01 (A)

BẢNG KÊ SỐ TIỀN
ĐÃ ĐƯỢC THƯỞNG THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA
BỘ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2002
(đối với thương nhân đã được xét thưởng năm 2002).

Mặt hàng:

Doanh nghiệp.....

Số Quyết định	Ngày, tháng	Số tiền được thưởng	Số kim ngạch đã được xét thưởng
Tổng số			

Ngày..... tháng..... năm 2004

Giám đốc doanh nghiệp*(Ký tên, đóng dấu)*

Biểu mẫu số 03

SỞ THƯƠNG MẠI TỈNH ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2004

**BÁO CÁO VỀ VIỆC
THẨM ĐỊNH SỐ LIỆU THƯƠNG VƯỢT KIM NGẠCH
XUẤT KHẨU NĂM 2003 SO VỚI NĂM 2002
CỦA**

Mặt hàng

Căn cứ đề nghị xét thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu năm 2003 của
tại công văn số ngày..... tháng..... năm 2004,

Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ của (theo mẫu biểu của Quyết định
số /2003/QĐ-BTM của Bộ Thương mại) gồm:

- Báo cáo thành tích và đề nghị xét thưởng;
- Bảng kê kim ngạch xuất khẩu năm 2002 (theo Biểu mẫu số 01):

(Đối với thương nhân đã được xét thưởng năm 2002 thì có Biểu mẫu số 01(A) gửi kèm theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thưởng theo kim ngạch xuất khẩu năm 2002 (bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Đối với thương nhân có đủ điều kiện xét thưởng năm 2002 nhưng không làm thủ tục đề nghị Bộ Tài chính xét thưởng thì có Biểu mẫu số 01(B) gửi kèm Tờ khai xuất khẩu tương ứng (bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Bảng kê số lượng hàng xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu năm 2003 (theo Biểu mẫu số 02) có xác nhận về số ngoại tệ đã thực thu của ngân hàng liên quan kèm theo Tờ khai xuất khẩu tương ứng (bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

Sở Thương mại nhận thấy hồ sơ của đầy đủ và hợp lệ.

Sở Thương mại..... báo cáo kết luận về số liệu thẩm định xét thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu mặt hàng năm 2003 cho như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số đề nghị của đơn vị	Số đã thẩm định	Số đề nghị thưởng
1	2	3	4	5
<u>Năm 2002:</u> - Lượng XK năm 2002 - KN XK năm 2002	Tấn USD			
<u>Năm 2003</u> - Lượng XK năm 2003 - KN XK năm 2003	Tấn USD			
<u>Mức vượt KN của năm 2003 so với năm 2002</u>	USD			
Mức đề nghị thưởng (.....đ/USD)				

Thuyết minh cụ thể số liệu chênh lệch (nếu có)

Căn cứ số liệu thẩm định nêu trên, Sở Thương mại tỉnh, thành phố..... đề nghị Bộ Thương mại làm thủ tục thưởng vượt kim ngạch mặt hàng..... năm 2003 cho doanh nghiệp..... số tiền..... đồng (bằng chữ). Số tiền thưởng này được chuyển vào tài khoản tiền Việt Nam đồng số tại Ngân hàng

....., ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc Sở Thương mại.....
(Ký tên và đóng dấu)

